

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02 - 2025
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tám
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*
Ông Trương Minh Thiện – kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 629/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1982; địa chỉ: số D tổ A ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (có yêu cầu vắng mặt);
- Bị đơn:* Ông Phạm Văn P, sinh năm 1973; địa chỉ: số A ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy T với ông Phạm Văn P do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông P tham gia tệ nạn xã

hội, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, hai bên không liên lạc với nhau, sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật D, sinh ngày 12/6/2003 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn P đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn: Bà T từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đối với bị đơn: ông P từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Phạm Văn P; về con chung: Phạm Nguyễn Nhật D, sinh ngày 12/6/2003 (đã trưởng thành); về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn P nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Ông Phạm Văn P với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại địa bàn huyện P, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện P, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Bị đơn ông Phạm Văn P đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông P không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy T với ông Phạm Văn P là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà T có yêu cầu được ly hôn với ông P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật D, sinh ngày 12/6/2003 (đã trưởng thành).

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T, bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Phạm Văn P.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Nhật D, sinh ngày 12/6/2003 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0011544 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu